

Bản án số: **323/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/9/2018

“ *V/v ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Cười

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Trần Hữu Vĩnh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Ông Nguyễn Quốc Nam, kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bùi Thị H**, sinh năm 1970, có mặt

Địa chỉ: số A đường T, khu phố M, phường N, thị xã G, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: **Huỳnh Thanh M**, sinh năm 1962, vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bùi Thị H trình bày: Tự nguyện kết hôn vào tháng 11 năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện G. Thời gian chung sống tại nhà riêng của vợ chồng, hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn do anh M đi làm việc thường uống rượu, không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, có lời lẽ và thái độ xem thường vợ. Trong tháng 8/2008 anh M điện thoại cho chị đi rước con nhưng lúc đó chị đang lái xe ngoài đường nên không nghe điện thoại được, khi về nhà thì anh M đuổi chị đi, nên chị về nhà cha ruột ở, sau đó anh M có đến xin lỗi nên chị về chung sống lại. Đến tháng 5/2009 chị về dự đám giỗ chị ruột bên nhà cha chị thì anh M điện thoại kêu mẹ con chị ôm quần áo đi luôn

dùng về, nên chị về ở bên nhà cha ruột cho đến nay, không trao đổi hàn gắn tình cảm mà anh M còn dùng lời lẽ xúc phạm chị, nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn.

Có 02 con chung Huỳnh Kim N, sinh ngày 11/10/1995 và Huỳnh Thanh L sinh ngày 24/01/2000, các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động được nên không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai anh M trình bày: Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày có cự cãi, nóng giận có đuổi vợ đi 1,2 lần và anh có xin lỗi nên về chung sống lại được một thời gian. Đến năm 2013 vợ và 02 con về nhà cha vợ sống cho đến nay, không trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh nhận thấy có lỗi với vợ và mong vợ tha thứ để hàn gắn lại tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Có 02 con chung đã trưởng thành, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết. Ngày 22/ 5/2018 anh M có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị xử chấp yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Huỳnh Thanh M. Có 02 con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[1] Về hôn nhân, chị Bùi Thị H và anh Huỳnh Thanh M tự nguyện kết hôn, được UBND thị trấn T, huyện G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 06/12/1994 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau, anh đuổi chị đi nên chị về sống bên nhà cha ruột từ tháng 5/2009 đến nay. Anh nhận thấy có lỗi, mong chị tha thứ để về chung sống, nhưng chị H không đồng ý. Thời gian xa cách không trao đổi hàn gắn được tình cảm nên mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Chị H gửi đơn xin ly hôn, Tòa án Thông báo và triệu tập hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh M không đồng ý ly hôn, nhưng anh không đến dự hòa giải cũng không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm trong khi chị H kiên quyết ly hôn. Qua xác minh được

biết do mâu thuẫn gia đình nên vợ chồng không sống chung, chị H về sống bên nhà cha ruột ở thị xã G hơn 5 năm nay. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H.

[2] Về con chung như trình bày trên. Xét thấy các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động được, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, ghi nhận đương sự không yêu cầu giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Huỳnh Thanh M.

2. Về con chung: Ghi nhận có 02 con chung Huỳnh Kim N, sinh ngày 11/10/1995 và Huỳnh Thanh L sinh ngày 24/01/2000.

Án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 45475 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Anh Huỳnh Thanh M không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- UBND thị trấn T, huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

Trần Văn Dũng